

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
REPORT OF BUSINESS OPERATION RESULTS IN 2018

Căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế năm 2018 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”), Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

Pursuant to the actual business result in 2018 of Interfood Shareholding Company (“Company”), the Board of Management of the Company would like to report the result of business operations in 2018 as below:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018/ Performance of business operations in 2018

Chi tiêu <i>Description</i>	Kế hoạch 2018/ <i>Plan 2018</i>		Thực hiện 2018/ <i>Actual 2018</i>		Tỷ lệ <i>Ratio</i>
	USD	VND '000	USD	VND '000	%
Tổng doanh thu/ <i>Sales</i>	72,942,527	1,658,348,340	73,964,842	1,719,312,753	104%
Các khoản giảm trừ/ <i>Deductions</i>	4,930,519	112,095,355	6,098,861	141,768,023	126%
Doanh thu thuần/ <i>Net sales and services</i>	68,012,007	1,546,252,986	67,865,981	1,577,544,730	102%
Giá vốn hàng bán/ <i>Cost of goods sold</i>	43,409,538	986,915,853	41,024,006	953,603,017	97%
Lợi nhuận gộp/ <i>Gross profit</i>	24,602,469	559,337,133	26,841,975	623,941,713	112%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	-	-	364,080	8,463,045	
Chi phí hoạt động tài chính <i>Financial expenses</i>	147,000	3,342,045	508,245	11,814,144	354%
Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	18,229,063	414,437,736	15,910,072	369,829,630	89%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General & administration expenses</i>	1,569,938	35,692,548	1,514,072	35,194,613	99%
Lãi / (lỗ) từ hoạt động kinh doanh <i>Net operating profit/(loss)</i>	4,656,468	105,864,804	9,273,666	215,566,371	204%
Thu nhập khác/ <i>Other income</i>			175,251	4,073,716	
Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>	240,000	5,456,400	466,218	10,837,235	199%
Lợi nhuận khác/ <i>Other loss, net</i>	-240,000	-5,456,400	-290,967	-6,763,519	124%
Lãi / (Lỗ) trước thuế <i>Profit/ (Loss) before tax</i>	4,416,468	100,408,404	8,982,700	208,802,852	208%
Chi phí thuế TNDN hiện hành <i>Current corporate income tax expenses</i>	883,294	20,081,681	2,054,173	47,749,243	238%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại <i>Deferred corporate income tax expenses</i>	-696,459	-15,834,002	-819,192	-19,042,125	120%
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế <i>Net profit/(loss) after tax</i>	4,229,634	96,160,725	7,747,719	180,095,734	187%
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số <i>Minority interest</i>	2,316	52,644	2,974	69,130	131%
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm <i>Net Profit / (Loss) for the year</i>	4,227,318	96,108,081	7,750,693	180,164,864	187%

Kết quả trong năm 2018, tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty vượt mức 180 tỷ đồng, kết quả này chủ yếu đi từ các nguyên nhân sau đây:

As a result in 2018, the total profit after-tax of the Company exceeded VND 180 billion, this result mainly from the following reasons:

- 1) Về doanh thu bán hàng, đội ngũ bán hàng của Công ty luôn bám sát mục tiêu doanh số bán hàng theo từng tuần, từng tháng trên cơ sở triệt để tuân thủ các quy tắc bán hàng cơ bản, tận

dụng tốt các cơ hội bán hàng, mở mới điểm bán... để phát huy doanh số. Ban Điều hành Bán hàng luôn theo sát từng hoạt động bán hàng để kịp thời điều chỉnh cơ cấu lực lượng, phân vùng bán hàng để tối ưu hóa năng lực của đội ngũ bán hàng và đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, chính sách khuyến mãi kịp thời, kết quả tổng doanh thu tăng 4% so với kế hoạch. Khoản giảm trừ doanh thu tăng so với kế hoạch chủ yếu do chi phí khuyến mại bằng tiền (thuộc về chi phí bán hàng) thực tế được trình bày vào mục giảm trừ doanh thu. Dẫn đến kết quả là doanh thu thuần tăng chỉ còn 2% so với kế hoạch đề ra.

Regarding sales, the sales team of the Company has always adhered to the sales target by weekly and monthly on the basis of strictly complying with basic sales rules, utilized sale opportunities, opened new outlets... to increase sale volume. The Board of Sale Management has always followed each sales activity to timely change the force structure, sales zoning to optimize the sales team capacity and make appropriate sales policies and incentive policies. As result, the total revenue increased by 4% compared to the plan. The sales deduction is higher than the plan mainly due to the promotional expenses in cash (belonging to the cost of sales) are actually presented in the revenue deduction section. As a result, net revenue increased only 2% compared to the plan.

- 2) Về chi phí giá vốn - giá thành sản xuất, trong năm Công ty đã triệt để tuân thủ và triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn lực sản xuất của cán bộ công nhân viên, áp dụng các giải pháp kỹ thuật để tối đa hóa hiệu suất dây chuyền, tìm kiếm các nguồn vật tư đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định... dẫn đến tổng chi phí sản xuất trong năm giảm, kết quả giá vốn hàng bán giảm còn 60% doanh thu thuần so với số 63% theo kế hoạch.

Regarding cost of sale/ production cost, during the year, the Company has thoroughly complied and implemented solutions to reduced production costs, improved the realism of saving production resources of all employees, applied technical solutions to maximize line performance, found sources of materials to ensure quality and stable prices ... resulting in reducing total production costs during the year, cost of goods sold decreased to 60% of net sales compared to 63% as planned.

- 3) Về hoạt động tài chính, ngoài khoản chi phí lãi vay có lãi suất ưu đãi từ Công ty mẹ đã lên kế hoạch duy trì ở mức 0.2% doanh thu (Công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vay từ công ty mẹ vào cuối năm 2018), doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tăng chủ yếu do khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm do có sự biến động đáng kể về chênh lệch tỷ giá trong năm.

In terms of financial activities, beside the planed loan with incentives interest rate from the parent company which maintain at 0.2% of revenue (the company has repaid all loans from the parent company into at the end of 2018), financial income and operating expenses increased mainly due to revaluation from the year-end exchange rate difference with significant fluctuations in exchange rate differences in the year.

- 4) Về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong năm 2018, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ bán hàng như chương trình chiết khấu, các chương trình khuyến mãi, thưởng doanh số đặc biệt cho nhà phân phối và đội ngũ bán hàng, chương trình hỗ trợ điểm bán,... với mục đích duy trì doanh số làm cho chi phí bán hàng duy trì ở mức 24% trên doanh thu thuần so với mức 27% số kế hoạch, (tỷ lệ thực tế giảm do khoản trình bày chi phí khuyến mại bằng tiền được trình bày vào mục giảm trừ doanh thu đã nêu ở trên.) Chi phí quản lý doanh nghiệp được ở mức sát với kế hoạch, chiếm tỷ trọng khoảng 3% doanh thu thuần.

Regarding selling expenses and general administration costs, in 2018, the Company continued to implement sales support programs such as discount programs, promotions, special incentive for distributors and sales teams, sale outlets support programs... with the aim of maintaining sales, makes the cost of sales maintaining at 24% of net revenue compared to 27% of the plan, (the actual reduction rate is due to the presentation of promotional expenses in cash presented in the revenue deduction section mentioned above.)

General administration costs are close to the plan, accounting for a proportion of 3% of net revenue.

- 5) Chi phí khác chủ yếu liên quan đến chi phí khấu hao của một số tài sản không sử dụng trong năm.

Other expenses mainly related to depreciation expenses of some unused assets during the year.

- 6) Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do lợi nhuận trước thuế tăng so với dự kiến, đạt mức 13% trong năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.

Current CIT expense increased due to the increase of profit before tax compared to plan, reaching 13% in the year. Deferred tax expense is related to the recognition of deferred tax assets during the year.

Thay mặt Công ty/ *On behalf of the Company*
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc/ *Chairman cum General Director*

Đã ký và đóng dấu
(Signed and sealed)

YUTAKA OGAMI